**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN CHÂU**
**TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**;
Bà **Trần Thị Phúc**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 581/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 15, khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử mặt).

- Bị đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Tổ 15, khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:*

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vả. Ông bà đã ly thân với nhau đến nay được khoảng 04 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không được như mong muốn nên bà được xin ly hôn với ông T.

Ông bà có hai 02 chung tên Lê Thị Tường A, sinh ngày 28/02/1994 và Trương Thị Trường T, sinh ngày 05/3/2005. Con chung tên Lê Thị Tường A đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trường G, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trương Văn T trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về các vấn đề hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với chị N.

Con chung tên Lê Thị Tường A đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Trương Thị Trường G cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T. Con chung tên Lê Thị Tường A đã thành niên ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trường G. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông bà.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông T đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong khoảng 04 năm trở lại đây, đã ly thân với nhau 04 năm không hàn gắn

được. Vì thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do mâu thuẫn trầm trọng nên bà N xin được ly hôn và ông T cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9 và 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N.

[3] Về con chung:

Con chung tên Lê Thị Tường A, sinh ngày 28/02/1994 đã thành niên ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Ông bà tự thỏa thuận giao con chung tên Trương Thị Trường G, sinh ngày 05/3/2005 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc tự thỏa thuận này của ông bà là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu G nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí*:* Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim N và ông Trương Văn T.

2-Về con chung:

- Con chung tên Lê Thị Tường A, sinh ngày 28/02/1994 đã thành niên, bà Lê Thị Kim N và ông Trương Văn T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Bà Lê Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trường G, sinh ngày 05/3/2005. Ghi nhận bà Lê Thị Kim N không yêu cầu ông Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trương Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3-Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim N và ông Trương Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4-Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu số 0024845 ngày 06/11/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nhàn và ông Trường biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**